TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT
Ngày 12/3/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Lê Thị Hiệu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung; Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Gi, sinh năm 1974, có mặt

Địa chỉ: Làng 61, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Trương Thị C, sinh năm 1973, có mặt

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người kháng cáo: Chị Trương Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị Gi trình bày và yêu cầu:

Ngày 09/02/2018, chị Hà Thị Gi cho chị Trương Thị C vay số tiền 190.000.000^{đ}, hai bên có viết giấy vay tiền, chị Gi là người viết giấy, chị C là người ký vào giấy, thời hạn vay là 01 tháng, không tính lãi, mục đích vay để chị C đảo sổ Ngân hàng. Chị Gi là người trực tiếp đưa tiền cho chị C và chị C là người trực tiếp nhận tiền, việc vay này là giữa cá nhân chị Gi và cá nhân chị C.

Hết thời hạn 01 tháng, chị C không trả số tiền vay cho chị Gi. Mặc dù chị Gi đã nhiều lần yêu cầu chị C trả nợ nhưng chị C vẫn không thực hiện trách nhiệm trả nợ.

Ngày 13/6/2019 chị Gi nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trương Thị C phải trả cho chị số tiền gốc là 190.000.000đ; về lãi suất chị Gi yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên, cụ thể: Thời gian tính lãi từ tháng 03/2018 đến tháng 08/2019 là 18 tháng, được tính lãi suất là 1,6%/tháng, số tiền lãi suất là: 190.000.000đ x 1,6%/tháng x 18 tháng = 54.720.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi chị Gi yêu cầu chị C thanh toán là: 244.720.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Gi thay đổi về mức lãi trong đơn khởi kiện, cụ thể chị Gi chỉ yêu cầu chị C phải trả lãi cho chị với mức lãi suất 1%/tháng, cụ thể là 190.000.000đ x 1%/tháng x 18 tháng = 34.200.000đ. Chị Gi xin rút một phần lãi suất là 20.520.000đ (54.720.000đ - 34.200.000đ = 20.520.000đ). Tổng số tiền gốc và lãi chị Gi yêu cầu chị C thanh toán là: 190.000.000đ + 34.200.000đ = 224.200.000đ.

- *Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Trương Thị C trình bày:*

Giữa chị C và chị Hà Thị Gi là có quan hệ chị em họ hàng với nhau. Ngày 09/02/2018 chị có vay của chị Hà Thị Gi số tiền 190.000.000đ, mục đích vay là sử dụng vào việc cá nhân, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/ngày và cứ 10 ngày chị C trả lãi cho chị Gi một lần, không có thời hạn trả nợ gốc, chị có viết nội dung vay tiền vào sổ của chị Gi, không phải viết vào tờ giấy như chị Gi giao nộp cho Tòa án. Trong quá trình vay tiền do chồng chị ốm đau đi viện thường xuyên, nên điều kiện kinh tế khó khăn nên chị chưa trả được đồng nợ gốc cho chị Gi.

Nay chị Gi khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền nợ gốc là 190.000.000đ, yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên, cụ thể: Thời gian tính lãi từ tháng 03/2018 đến tháng 08/2019 là 18 tháng, được tính lãi là 1,6%/tháng, số tiền lãi là 190.000.000đ x 1,6%/tháng x 18 tháng = 54.720.000đ. Tổng cả gốc và lãi suất: 244.720.000đ. Chị C đồng ý với số tiền gốc mà chị Gi yêu cầu là 190.000.000đ và chị không có ý kiến gì. Đối với lãi suất mà chị Gi yêu cầu chị C trả như trên là hoàn toàn không đúng, vì chị và chị Gi thỏa thuận lãi suất là 3%/ngày (cụ thể là 1.000.000đ là 3.000đ/ngày), khi trả lãi thì chị Gi có ghi vào sổ theo dõi của chị Gi, nay chị C đề nghị Tòa án xem xét và căn cứ theo pháp luật giải quyết để trừ bớt phần lãi chị đã trả vào tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C khẳng định chữ ký C và Trường Thị C trong giấy vay tiền do chị Gi cung cấp không phải do chị C viết. Tòa án đã hướng dẫn cho chị C làm đơn đề nghị giám định chữ viết chữ ký nhưng đến ngày 28/11/2019 chị C lại có đơn xin rút đơn yêu cầu giám định chữ viết chữ ký; Chị C không có ý kiến gì về mức lãi suất 1%/tháng và thời gian tính lãi suất theo yêu cầu của chị Gi tại phiên tòa.

- Tại Bản án số 16/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

Áp dụng: Điều 463, 465, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271. Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Gi

2. Buộc chị Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Hà Thị Gi số tiền gốc là 1900.000.000^{đ} (Một trăm chín mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất là 34.200.000^{đ} (Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi suất là 224.200.000^{đ} (Hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Chị Trương Thị C phải chịu 11.210.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho chị Hà Thị Gi số tiền tạm ứng án phí mà chị Gi đã nộp là 6.100.000^{đ} theo biên lai thu số AA/2018/0006740 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.

- Ngày 09/12/2019, chị Trương Thị C kháng cáo với nội dung: Xem xét lại bản án số 16/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

* Tại phiên tòa phúc thẩm

Chị C khẳng định tờ giấy vay tiền do chị Gi cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm, không phải chữ ký của chị. Tuy nhiên tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm chị C có làm đơn đề nghị giám định chữ ký trong giấy vay tiền nhưng chị C đã không nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo thông báo của Tòa án, lý do chị thấy chữ ký trong giấy vay tiền rất giống chữ ký do chị viết nên chị C không yêu cầu giám định chữ ký. Chị C không cung cấp thêm tài liệu chứng gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị Hà Thị Gi khẳng định chữ ký C và Trương Thị C trong giấy vay tiền chị nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm là do chị C viết, chị Gi cam đoan nếu giám định không phải chữ ký của chị C thì chị Gi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chị Gi đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị C phải thanh toán cho chị Gi số tiền nợ cả gốc và lãi là 224.200.000^{đ}. Chị Gi chỉ yêu cầu chị C trả tiền lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc 190.000.000^{đ} từ tháng 3/2018 đến tháng 8/2019, kể từ tháng 9/2019 cho đến khi án có hiệu lực pháp luật thì chị Gi không yêu cầu chị C phải trả lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Trương Thị C.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 16/2019/DS- ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, bổ sung lời tuyên đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí phúc thẩm: Chị C phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị Gi nộp đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Trương Thị C:

Đơn kháng cáo của chị C làm trong thời hạn luật định và chị C thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Trương Thị C thừa nhận vay của chị Gi số tiền gốc là 190.000.00đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/ngày và cứ 10 ngày chị C trả lãi cho chị Gi một lần, không có thời hạn trả nợ gốc, chị C có viết nội dung vay tiền vào sổ của chị Gi. Chị C yêu cầu chị Gi phải xuất trình quyển sổ ghi nợ để tính tổng số tiền lãi vượt quá 1%/tháng mà chị C đã trả cho chị Gi, để khấu trừ vào khoản tiền nợ gốc. Tại đơn kháng cáo ngày 09/12/2019, chị C trình bày chị chỉ vay của chị Gi 70.000.000đ không phải 190.000.000đ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, chị C không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho nội dung trình bày của mình là có căn cứ. Ngày 11/02/2020, chị C làm đơn đề nghị giám định chữ ký trong giấy vay tiền do chị Gi cung cấp, nhưng sau đó chị C không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và tại phiên tòa hôm nay chị C rút cầu đề nghị giám định chữ ký. Chị Gi không thống nhất với lời khai của chị C và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của chị C.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung kháng cáo của chị Trương Thị C không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Gi rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất 0,6%/tháng, cụ thể số tiền 20.520.000đ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định chấp nhận đình chỉ đối với phần lãi suất đã rút. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không tuyên đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót.

[3] Về án phí phúc thẩm: Nội dung kháng cáo của chị Trương Thị C không được chấp nhận nên chị C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 463, 465, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị C, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Gi

Buộc chị Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Hà Thị Gi số tiền nợ gốc là 1900.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 34.200.000đ(ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 224.200.000đ (hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Gi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị C không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên cho chị Gi thì hàng tháng chị C còn phải trả thêm khoản tiền lãi cho chị Gi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị C phải chịu 11.210.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho chị Hà Thị Gi số tiền tạm ứng án phí mà chị Gi đã nộp là 6.100.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0006740 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại Biên lai thu số AA/2018/0006800 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, bổ sung lời tuyên đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi suất là 20.520.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu